

Số: 893/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
Ngành Quản lý kinh tế – Mã ngành 8340410**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc mở ngành đào tạo mới trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 25 tháng 3 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý khoa học và Trường khoa Kinh tế - Luật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã ngành 8340401.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 trở đi.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Trưởng các khoa Kinh tế - Luật và Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH.



★ **Phạm Tiến Đạt**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 843/QĐ-ĐHTCM, ngày 30 tháng 3 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN LÝ KINH TẾ**
- Tên chương trình (tiếng Anh): **ECONOMIC MANAGEMENT**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế      Mã ngành: 8340410
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng.

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm giúp cho học viên nâng cao kiến thức Quản lý kinh tế, có khả năng làm chủ được kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức

- PO1: Cung cấp kiến thức mới theo hướng chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế, có thể đảm nhiệm công việc với vai trò là một chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- PO2: Phát triển tư duy phản biện, làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn của các cơ quan quản lý nhà nước trong môi trường toàn cầu hóa.

+ Về kỹ năng:

- PO3: Kỹ năng cần thiết về quản lý kinh tế như kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.

- PO4: Kỹ năng tư duy, phản biện, nghiên cứu độc lập, tổng hợp, cập nhật kiến thức, phân tích và phản biện các chính sách hiện hành.

- PO5: Kỹ năng đánh giá, phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

+ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PO8: Khả năng sáng tạo, tổ chức các công việc quản lý một cách độc lập tại các cơ quan quản lý nhà nước; khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm để thực hiện những công việc được giao một cách hiệu quả;

- PO9: Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, đối tượng quản lý đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác, đối tượng quản lý

- PO10: Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

## 2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Thạc sĩ Quản lý kinh tế có cơ hội trở thành cán bộ quản lý kinh tế và chuyên gia phân tích chính sách trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương, các tổ chức tư vấn về chính sách và các tổ chức kinh tế - xã hội.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

***Về kiến thức:***

**PLO1:** Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý, sáng tạo, chủ động trong giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**PLO2:** Tổng hợp kiến thức một cách có chọn lọc, phân tích tác động chính sách kinh tế đến thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế.

**PLO3:** Đánh giá chính sách kinh tế để đưa ra các lựa chọn đầu tư, về quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành.

***Về kỹ năng:***

**PLO4:** Kỹ năng vận dụng sáng tạo các kiến thức vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

**PLO5:** Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.

**PLO6:** Kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích của ngành kinh tế để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý.

**PLO7:** Kỹ năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

***Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:***

**PLO8:** Tự tin, trung thực, trách nhiệm, cẩn thận, tin cậy, thích nghi, chuyên nghiệp trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

**PLO9:** Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn.

**PLO10:** Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

**4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:**

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tập tối đa: 4 năm.

**5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ**

**6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:**

**6.1 Quy trình đào tạo:**

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ thạc sỹ của Trường Đại học Tài chính – Marketing (Ban hành theo quyết định số 2247/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 11/11/2020).

**6.2. Địa điểm đào tạo:**

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 23/2021/Bộ GD-ĐT ban hành ngày 30/08/2021.
- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.
- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

**6.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không**

**6.4. Điều kiện tốt nghiệp:**

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án

đạt yêu cầu;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## **7. TUYỂN SINH:**

### **7.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

### **7.2. Phương thức tuyển sinh:**

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

+ Kinh tế học;

+ Quản trị học.

### **7.3. Chuẩn đầu vào:**

#### *a) Yêu cầu về văn bằng*

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành khác và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

#### *b) Yêu cầu thâm niên công tác*

Không

#### *c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ*

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài,

hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

#### 7.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b. Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ. Cụ thể sinh viên có thể đăng ký học trước các học phần sau:

| STT | Tên môn học                          | Số TC |
|-----|--------------------------------------|-------|
| 1   | Pháp luật quản lý kinh tế            | 3     |
| 2   | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao | 3     |
| 3   | Kinh tế đầu tư nâng cao              | 3     |
| 4   | Kinh tế học quản lý                  | 3     |
| 5   | Quản lý chương trình và dự án công   | 3     |

c. Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- + Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

#### 7.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

##### 7.4.1. Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành khác

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế hoặc ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

| Ngành đúng                                                     | Ngành gần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ngành khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngành Kinh tế<br>định hướng<br>chuyên ngành<br>Quản lý kinh tế | Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Luật kinh tế, Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Bất động sản, Quản lý đất đai, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý xây dựng, Quản lý thủy sản, Quản lý tài nguyên rừng, Tổ chức quản lý dược, Quản lý ý tế, Quản lý bệnh viện, Tổ chức và quản lý vận tải, Quản lý thể dục thể thao, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Thông tin học, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Luật, Luật quốc tế, Quản lý giáo dục, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. | Công tác xã hội, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Thống kê, Toán ứng dụng, Công nghệ thông tin, Nông nghiệp, Điện, Công nghệ kỹ thuật điện, Điện khí hoá mỏ, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Điện-điện tử, Điện tử-viễn thông, Thiết kế máy, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Ngôn ngữ Anh. |

#### 7.4.2. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

Ngành đúng: ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế

Ngành gần: các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng không đúng định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế. Môn học bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ:

| TT | Môn học      | Số tín chỉ |
|----|--------------|------------|
| 1  | Quản trị học | 2          |
| 2  | Kinh tế học  | 3          |

Ngành khác: các ngành khác ngành đúng và ngành gần. Môn học bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

| TT | Môn học                     | Số tín chỉ |
|----|-----------------------------|------------|
| 1  | Quản trị học                | 2          |
| 2  | Quản lý nhà nước về kinh tế | 2          |
| 3  | Kinh tế học                 | 3          |
| 4  | Kinh tế phát triển          | 2          |

## 8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của TT23/2021 BGD&ĐT theo định hướng ứng dụng.

## 9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

| STT                                         | MÃ SỐ | TÊN HỌC PHẦN                            | TC       | LT       | TH       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------------|-------|-----------------------------------------|----------|----------|----------|---------|
| <b>I. Kiến thức chung: 8 tín chỉ</b>        |       |                                         |          |          |          |         |
| 1                                           | MEM01 | Triết học ( <i>Philosophy</i> )         | 4        | 4        | 0        |         |
| 2                                           | MEM02 | Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế | 3        | 2        | 1        |         |
| <b>Tổng</b>                                 |       |                                         | <b>7</b> | <b>6</b> | <b>1</b> |         |
| <b>II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành:</b> |       |                                         |          |          |          |         |
| <b>Học phần bắt buộc: 27 tín chỉ</b>        |       |                                         |          |          |          |         |

|                                                                                 |       |                                                  |           |           |           |                 |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------------|
| 3                                                                               | MEM03 | Lãnh đạo công và quản lý                         | 3         | 2         | 1         |                 |
| 4                                                                               | MEM04 | Kinh tế học quản lý                              | 3         | 2         | 1         |                 |
| 5                                                                               | MEM05 | Kinh tế đầu tư nâng cao                          | 3         | 2         | 1         |                 |
| 6                                                                               | MEM06 | Pháp luật quản lý kinh tế                        | 3         | 2         | 1         |                 |
| 7                                                                               | MEM07 | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao             | 3         | 2         | 1         |                 |
| 8                                                                               | MEM08 | Quản lý chương trình và dự án công               | 3         | 2         | 1         |                 |
| 9                                                                               | MEM09 | Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế         | 3         | 2         | 1         |                 |
| 10                                                                              | MEM10 | Nghiên cứu tình huống 1                          | 3         | 1         | 2         |                 |
| 11                                                                              | MEM11 | Nghiên cứu tình huống 2                          | 3         | 1         | 2         |                 |
| <b>Tổng</b>                                                                     |       |                                                  | <b>27</b> | <b>16</b> | <b>11</b> |                 |
| <b>Học phân tự chọn: 17 tín chỉ (Học viên có thể chọn 1 trong 2 tổ hợp sau)</b> |       |                                                  |           |           |           |                 |
| 12                                                                              | MEM12 | Chuyển đổi số trong khu vực công                 | 3         | 2         | 1         | <b>Tổ hợp 1</b> |
| 13                                                                              | MEM13 | Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương    | 3         | 2         | 1         |                 |
| 14                                                                              | MEM14 | Kinh tế khu vực công                             | 3         | 2         | 1         |                 |
| 15                                                                              | MEM15 | Mô hình ra quyết định quản lý                    | 2         | 1         | 1         |                 |
| 16                                                                              | MEM16 | Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực | 3         | 2         | 1         |                 |
| 17                                                                              | MEM17 | Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công  | 3         | 2         | 1         |                 |
| 18                                                                              | MEM18 | Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý        | 2         | 1         | 1         | <b>Tổ hợp 1</b> |
| 19                                                                              | MEM19 | Quản lý sự thay đổi                              | 3         | 2         | 1         |                 |
| 20                                                                              | MEM20 | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế       | 3         | 2         | 1         |                 |
| 21                                                                              | MEM12 | Chuyển đổi số trong khu vực công                 | 3         | 2         | 1         |                 |

|                  |       |                                            |    |    |    |  |
|------------------|-------|--------------------------------------------|----|----|----|--|
| 22               | MEM21 | Kinh tế phát triển nâng cao                | 3  | 2  | 1  |  |
| 23               | MEM22 | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công | 3  | 2  | 1  |  |
| III. Tốt nghiệp: |       |                                            |    |    |    |  |
| 24               | MEM23 | Đề án tốt nghiệp                           | 9  |    | 9  |  |
|                  | Tổng  |                                            | 60 | 33 | 27 |  |

**10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:**  
**Học kỳ 1**

| STT         | HỌC PHẦN                                | TC        | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------------------|-----------|---------|
| 1           | Triết học                               | 4         |         |
| 2           | Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế | 3         |         |
| 3           | Lãnh đạo công và quản lý                | 3         |         |
| 4           | Kinh tế học quản lý                     | 3         |         |
| 5           | Nghiên cứu tình huống 1                 | 3         |         |
| <b>TỔNG</b> |                                         | <b>16</b> |         |

**Học kỳ 2**

| STT         | HỌC PHẦN                                 | TC        | GHI CHÚ |
|-------------|------------------------------------------|-----------|---------|
| 1           | Kinh tế đầu tư nâng cao                  | 3         |         |
| 2           | Pháp luật quản lý kinh tế                | 3         |         |
| 3           | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao     | 3         |         |
| 4           | Quản lý chương trình và dự án công       | 3         |         |
| 5           | Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế | 3         |         |
| 6           | Nghiên cứu tình huống 2                  | 3         |         |
| <b>TỔNG</b> |                                          | <b>18</b> |         |

**Học kỳ 3 – Tự chọn** (chọn 1 trong 2 tổ hợp sau).

| STT | HỌC PHẦN                                         | TC        | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------------------|-----------|---------|
|     | <b>Tổ hợp 1</b>                                  |           |         |
| 1   | Chuyển đổi số trong khu vực công                 | 3         |         |
| 2   | Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương    | 3         |         |
| 3   | Kinh tế khu vực công                             | 3         |         |
| 4   | Mô hình ra quyết định quản lý                    | 2         |         |
| 5   | Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực | 3         |         |
| 6   | Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công  | 3         |         |
|     | <b>TỔNG</b>                                      | <b>17</b> |         |
|     | <b>Tổ hợp 2</b>                                  |           |         |
| 1   | Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý        | 2         |         |
| 2   | Quản lý sự thay đổi                              | 3         |         |
| 3   | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế       | 3         |         |
| 4   | Chuyển đổi số trong khu vực công                 | 3         |         |
| 5   | Kinh tế phát triển nâng cao                      | 3         |         |
| 6   | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công       | 3         |         |
|     | <b>TỔNG</b>                                      | <b>17</b> |         |

**Học kỳ 4**

| TT          | Mã số | Tên học phần     | Số TC    |    |          | Ghi chú |
|-------------|-------|------------------|----------|----|----------|---------|
|             |       |                  | Tổng     | LT | TH       |         |
| 1           | MEM23 | Đề án tốt nghiệp | 9        |    | 9        |         |
| <b>TỔNG</b> |       |                  | <b>9</b> |    | <b>9</b> |         |

## 11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

### 11.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

#### ❖ Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Viện Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

Học viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

#### ❖ Phương pháp giảng dạy – học tập

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự nghiên cứu của học viên, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của học viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm. Chú trọng đến kỹ năng liên quan đến thực tiễn các học phần chuyên ngành.

- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:

+ Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị học viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.

+ Mời các chuyên gia báo cáo thực tế, học viên viết bài thu hoạch về chủ đề báo cáo.

+ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ, đề tài nghiên cứu khoa học.

### 11.2. Đảm bảo chất lượng đào tạo

❖ Cơ sở vật chất, công nghệ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

| STT | Tên                                                                         | Mục đích sử dụng                               | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Thiết bị trong phòng | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------|----------|------|
|     |                                                                             |                                                |                             |                      | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
| 1   | Phòng học số: 01<br>Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận      | Giảng dạy cho các học phần lý thuyết           | 50                          | Máy chiếu/máy tính   | x                 |          |      |
| 2   | Phòng thực hành số 01<br>Địa chỉ: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận | Phục vụ giảng dạy thực hành trong các học phần | 100                         | Phần mềm thống kê    | x                 |          |      |
| 3   | Phòng học số: 02<br>Địa chỉ: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7        | Giảng dạy cho các học phần lý thuyết           | 50                          | Máy chiếu/máy tính   | x                 |          |      |
| 4   | Phòng thực hành số 02<br>Địa chỉ: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7   | Phục vụ giảng dạy thực hành trong các học phần | 100                         | Phần mềm thống kê    | x                 |          |      |

### ❖ Học liệu

*Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo*

| STT | Tên giáo trình/tài liệu tham khảo                                                                                       | Tên tác giả                          | Nhà xuất bản                             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|--------------|---------------------------------|
| 1   | Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn), | Đại học Quốc gia Hà Nội              | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật. | 2018         | Triết học                       |
|     | Triết học (Chương trình sau đại học).                                                                                   | Trường Đại học Tài chính – Marketing | Nhà xuất bản ĐH Quốc gia Tp.HCM.         | 2015         |                                 |
| 2   | Nghiên cứu Marketing thực hành                                                                                          | Nguyễn Văn Hiến                      | Nhà xuất bản Tài chính.                  | 2016         | Phương pháp nghiên cứu khoa học |

|   |                                                                                             |                                                                |                                        |      |                          |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|--------------------------|
|   | Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh                                   | Nguyễn Văn Thắng                                               | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân, | 2014 | kinh tế                  |
|   | Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản.                                          | Trần Tiến Khai                                                 | Nhà xuất bản Lao động xã hội           | 2012 |                          |
|   | Qualitative Research Methods: Collecting Evidence, Crafting Analysis, Communicating Impact. | Sarah J. Tracy                                                 | Wiley-Blackwell.                       | 2019 |                          |
| 3 | Lãnh đạo các khu vực công.                                                                  | Phan Huy Đường.                                                | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội   | 2016 | Lãnh đạo công và quản lý |
|   | Lãnh đạo đích thực.                                                                         | Bill George.                                                   | Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. HCM          | 2019 |                          |
|   | Quản lý công.                                                                               | Phan Huy Đường                                                 | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội   | 2016 |                          |
| 4 | Kinh tế học (tập 1)                                                                         | Paul A. Samuelson & Nordhaus                                   | Nhà xuất bản Tài chính.                | 2018 | Kinh tế học quản lý      |
|   | Advanced Microeconomic theory (3th edition)                                                 | Geoffrey A. Jehle Philip J. Reny                               | Prentice Hall                          | 2020 |                          |
|   | Kinh tế học vĩ mô                                                                           | N. Gregory Mankiw (Bản dịch của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM) | Nhà xuất bản Hồng Đức.                 | 2019 |                          |
|   | Kinh tế học (tập 2)                                                                         | Paul A. Samuelson & Nordhaus                                   | Nhà xuất bản Tài chính.                | 2018 |                          |
|   | Advanced Macroeconomics, 5 <sup>th</sup> ed                                                 | David Romer                                                    | McGraw Hill Publishers.                | 2019 |                          |

|   |                                                                                           |                                         |                                         |      |                                      |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|------|--------------------------------------|
| 5 | Digital government: managing public sector reform in the digital era.                     | Lips, M.                                | Routledge.                              | 2019 | Chuyển đổi số khu vực công           |
|   | Leading digital: Turning technology into business transformation.                         | Westerman, G., Bonnet, D., & McAfee, A. | Harvard Business Press.                 | 2014 |                                      |
|   | Digital Transformation Now! Guiding the Successful Digitalization of Your Business Model. | Schallmo, A., & Daniel, R. (2018).      | Springer                                | 2018 |                                      |
| 6 | Luật doanh nghiệp                                                                         | QH14                                    | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật | 2020 | Pháp luật quản lý kinh tế            |
|   | Luật đất đai                                                                              | QH13                                    | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật | 2013 |                                      |
|   | Luật đầu tư công                                                                          | QH 14                                   | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật | 2019 |                                      |
|   | Luật quản lý tài sản công                                                                 | QH14                                    | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật | 2017 |                                      |
| 7 | Kinh tế công cộng.                                                                        | Vũ Cương & Phạm Văn Vận.                | Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân   | 2013 | Kinh tế khu vực công                 |
|   | Giáo trình Kinh tế công cộng                                                              | Bùi Đại Dũng, Ngô Văn Nam.              | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội    | 2018 |                                      |
|   | Kinh tế khu vực công                                                                      | Joseph E. Stiglitz & Jay K. Rosengard   | Norton & Co                             | 2015 |                                      |
|   | Kinh tế khu vực công                                                                      | Trần Anh Tuấn<br>Nguyễn Hữu Hải         | Nxb. CTQG                               | 2015 |                                      |
| 8 | Quản lý nhà nước về kinh tế                                                               | Phan Huy Đường,<br>Phan Anh             | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội    | 2020 | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao |

|    |                                                                                                      |                                                       |                                                                                     |      |                                               |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------|
| 9  | Quản trị dự án - Những nguyên tắc căn bản                                                            | Joseph Heagney<br>(Người dịch Minh Tú)                | Nxb Công Thương                                                                     | 2018 | Quản lý chương trình và dự án công            |
|    | Managing Public Sector Projects: A Strategic Framework for Success in an Era of Downsized Government | David S. Kassel                                       | Second Edition (ASPA Series in Public Administration and Public Policy) 2nd Edition | 2017 |                                               |
|    | Giáo trình Quản lý dự án                                                                             | Từ Quang Phương                                       | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội                                       | 2014 |                                               |
|    | Quản lý dự án đầu tư công                                                                            | Lê Như Thanh và Lê Văn Hòa                            | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.                                            | 2017 |                                               |
| 10 | Phân tích chính sách kinh tế - xã hội                                                                | Phạm Văn Dũng, Hoàng Triều Hoa và Nguyễn Thị Thu Hoài | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.                                               | 2018 | Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế      |
|    | Phân tích và đánh giá chính sách                                                                     | Nguyễn Văn Phúc                                       | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.                                            | 2016 |                                               |
|    | Political economy and policy analysis                                                                | Antonio Merlo                                         | Published by Routledge, London.                                                     | 2019 |                                               |
|    | The Economic Analysis of Public Policy                                                               | William K. Bellinger                                  | Second edition published by Routledge, London.                                      | 2016 |                                               |
| 11 | Giáo trình Quản lý phát triển địa phương                                                             | Đàm Văn Huệ, Nguyễn Xuân Thu và Nguyễn Cúc            | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội                                              | 2015 | Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương |

|    |                                                                                                   |                                               |                                                |      |                                           |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|------|-------------------------------------------|
| 12 | Economics of development: Theory and evidence.                                                    | Thirlwall, A. P., & Pacheco-López, P.         | Palgrave.                                      | 2017 | Kinh tế phát triển nâng cao               |
| 13 | Kinh tế phát triển căn bản và nâng cao                                                            | Đinh Phi Hồ & cộng sự                         | Nhà xuất bản Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.          | 2015 |                                           |
| 14 | Giáo trình Quản lý dự án đầu tư                                                                   | Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng                | Nhà xuất bản. Đại học Kinh tế Quốc dân.        | 2018 | Kinh tế đầu tư nâng cao                   |
| 15 | Data science for business and decision making                                                     | Fávero, L. P., & Belfiore, P.                 | Academic Press.                                | 2019 | Mô hình ra quyết định quản lý             |
|    | Mathematical modeling for business analytics                                                      | Fox, W. P.                                    | CRC Press                                      | 2017 |                                           |
|    | Handbook of anticipation: Theoretical and applied aspects of the use of future in decision making | Poli, R.                                      | New Springer York:                             | 2019 |                                           |
|    | Decision Modeling.                                                                                | Saxena, R., & Srinivasan, A.                  | Springer New York                              | 2012 |                                           |
| 16 | Noncooperative Game Theory                                                                        | Hespanha, J. P.                               | Princeton University Press                     | 2017 | Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý |
|    | Game theory and its applications.                                                                 | Matsumoto, A., & Szidarovszky, F.             | Tokyo: Springer Japan.                         | 2016 |                                           |
|    | Lessons in play: an introduction to combinatorial game theory                                     | Albert, M. H., Nowakowski, R. J., & Wolfe, D. | CRC Press.                                     | 2019 |                                           |
|    | Game theory: A Multi-leveled approach                                                             | Peters, H                                     | Springer.                                      | 2015 |                                           |
| 17 | Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực,                                                                | Trần Xuân Cầu                                 | Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội. | 2019 | Thị trường lao động và                    |

|    |                                                                             |                                                        |                                            |       |                                            |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------|--------------------------------------------|
|    | Labor economics, 8 <sup>th</sup> edition                                    | George J. Borjas                                       | The McGraw-Hill/Irwin.                     | 2016  | phát triển nguồn nhân lực                  |
|    | Employee Training and Development, 8 <sup>th</sup> ed.,                     | Raymond A. Noe                                         | Publisher: McGraw-Hill/Irwin.              | 2019, |                                            |
|    | Labor Markets: Analysis, Regulations and Outcomes                           | Jonathan Murray (editor)                               | Publisher: Nova.                           | 2016  |                                            |
|    | Luật Ngân sách Nhà nước                                                     | QH13                                                   | Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật    | 2015  |                                            |
| 18 | Strategic management for public and nonprofit organizations.                | Steiss, A. W.                                          | Routledge                                  | 2019  | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công |
|    | Strategic management: Concepts and cases: A Competitive advantage approach. | Fred. R. David                                         | Pearson.                                   | 2015  |                                            |
| 19 | The Mind and Heart of the Negotiator. 7 <sup>th</sup> edition               | Leigh L. Thompson.                                     | Global edition. Pearson Education Limited. | 2021  | Đàm phán và quản lý xung đột               |
|    | Essential of Negotiation. 6 <sup>th</sup> edition                           | Roy J Lewicki, Bruce Barry, David M Saunders           | McGraw-Hill Education                      | 2016  |                                            |
|    | Conflict Management: A Practical Guide to Developing Negotiation Strategies | Pearson-Prentice Hall Edition: 2019. ISBN: 0131193236. | Pearson-Prentice Hall Edition              | 2019  |                                            |
| 19 | Managing Organizational Change: A Multiple Perspectives Approach            | Palmer, I., Dunford, R., & Buchanan, D. A              | USA: McGraw-Hill Education                 | 2017  | Quản lý sự thay đổi                        |

|    |                                                      |                  |                               |      |                                            |
|----|------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|------|--------------------------------------------|
|    | Quản lý sự thay đổi                                  | Ao Thu Hoài      | Trường ĐH Tài chính Marketing | 2021 |                                            |
| 20 | International Financial Management (Seventh Edition) | Bruce G. Resnick | Pearson                       | 2018 | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế |

*Danh sách các bài báo khoa học sử dụng để giảng dạy, học tập trong chương trình đào tạo*

| STT | Tên bài báo khoa học                                                                                                     | Tên tác giả                                | Tên tạp chí/<br>Mã ISSN                             | Năm<br>phát<br>hành | Sử dụng<br>cho học<br>phần      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------|
| 1   | Vận dụng quan điểm của V. I. Lê-nin về phát triển trong nhận diện sự phát triển của lực lượng sản xuất thế giới hiện nay | Nguyễn Đình Luận                           | Tạp chí cộng sản /2734-9071                         |                     | Triết học                       |
| 2   | Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Góc nhìn thực nghiệm từ mô hình ARDL                    | Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và Lê Hoàng Phong | Tạp chí Phát triển & Hội nhập/1059-426x             | 2014                | Phương pháp nghiên cứu khoa học |
| 3   | Egan, T. M., Yang, B., & Bartlett, K. R.                                                                                 | Egan, T. M., Yang, B., & Bartlett, K. R.   | Human resource development quarterly/ 1532-109      | 2004                | Lãnh đạo công và quản lý        |
|     | Crisis management and its process in organization                                                                        | Mehr, M. K., & Jahanian, R.                | Mediterranean Journal of Social Sciences/ 2039-2117 | 2016                |                                 |
|     | Exploring charismatic leadership in the public sector: Measurement and consequences                                      | Javidan, M., & Waldman, D. A.              | Public administration review/ 1540-6210             | 2003                |                                 |
|     | Leadership in public management: some theoretical and methodological considerations                                      | Villoria, M., & Iglesias, Á.               | Innovar/ 0121-5051                                  | 2011                |                                 |

|   |                                                                                                                                                       |                                            |                                                                 |      |                     |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------|---------------------|
|   | Leadership and power                                                                                                                                  | Kessler, V.                                | Bulletin vir Christelike Wetenskap/1608-3954                    | 2010 |                     |
| 4 | Agricultural support policies in imperfectly competitive markets: Why market power matters in policy design.                                          | Russo, C., Goodhue, R. E., & Sexton, R. J. | American Journal of Agricultural Economics/1467-8276            | 2011 | Kinh tế học quản lý |
|   | Behavioral selection strategies of members of enterprise community of Practice—An evolutionary game theory approach to the knowledge creation process | Wang, D., & Li, B.                         | IEEE Access, 8, 153322-153333.                                  | 2020 |                     |
|   | Game theory approach to optimal design of shale gas supply chains with consideration of economics and life cycle greenhouse gas emissions             | Gao, J., & You, F.                         | AICHE Journal/ 1547-5905                                        | 2017 |                     |
|   | Consequences of Oil Supply and Demand on the Electricity Market: Coronavirus Effect                                                                   | Tabachkova, X.                             | International Journal of Energy Economics and Policy/ 2146-4553 | 2021 |                     |
|   | A behavioral theory of the effect of the risk-free rate on the demand for risky assets                                                                | Ganzach, Y., & Wohl, A.                    | Journal of Behavioral and Experimental Economics                | 2018 |                     |
|   | The new tools of monetary policy                                                                                                                      | Bernanke, B. S.                            | American Economic Review/ 1944-7981                             | 2020 |                     |
|   | Procyclicality of fiscal policy in European Union countries                                                                                           | Gootjes, B., & de Haan, J.                 | Journal of International Money and Finance/ 0261-5606           | 2022 |                     |
|   | Digital transformation, development and productivity in developing countries: is artificial intelligence a curse or a blessing?                       | Aly, H.                                    | Review of Economics and Political Science/2631-3561             | 2020 |                     |

|   |                                                                                                                               |                                                                  |                                                                                                                                      |         |                                |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------|
|   | Economic and fiscal policy coordination after the crisis: is the European Semester promoting more or less state intervention? | Haas, J. S., D'Erman, V. J., Schulz, D. F., & Verdun, A.         | Journal of European Integration/ 0703-6337                                                                                           | 2020    |                                |
|   | The new tools of monetary policy                                                                                              | Bernanke, B. S.                                                  | American Economic Review/ 1944-7981                                                                                                  | 2020    |                                |
| 5 | Digital transformation and knowledge management in the public sector                                                          | Alvarenga, A., Matos, F., Godina, R., & CO Matias, J.            | <i>Sustainability</i> , 12(14), 5824.                                                                                                | 2020    | Chuyển đổi số của khu vực công |
|   | Citizen-oriented digital transformation in the public sector. In                                                              | Mergel, I., Kattel, R., Lember, V., & McBride, K.                | <i>Proceedings of the 19th Annual International Conference on Digital Government Research: Governance in the Data Age</i> (pp. 1-3). | 2018    |                                |
|   | Key issues for embracing the cloud computing to adopt a digital transformation: A study of saudi public sector.               | Al-Ruithe, M., Benkhelifa, E., & Hameed, K.                      | <i>Procedia computer science</i> , 130, 1037-1043                                                                                    | (2018). |                                |
|   | Mechanisms of service ecosystem emergence: Exploring the case of public sector digital transformation.                        | Simmonds, H., Gazley, A., Kaartemo, V., Renton, M., & Hooper, V. | <i>Journal of Business Research</i> , 137, 100-115.                                                                                  | 2021    |                                |
| 6 | Hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước                                      | Nguyễn Hồng Sơn                                                  | Tạp chí Tổ chức nhà nước/2588-137x                                                                                                   | 2020    | Pháp luật quản lý kinh tế      |
| 7 | Kiểm soát xung đột lợi ích trong khu vực công – Quy định và thực tiễn ở Việt Nam                                              | WB                                                               | Báo cáo                                                                                                                              | 2022    | Kinh tế khu vực công           |

|    |                                                                                                                                                         |                                                |                                                                          |      |                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------|
| 8  | Những nội dung mới về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng | Nguyễn Văn Thọ                                 | Tạp chí công sản/2734-9071                                               | 2021 | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao     |
| 9  | Chi phí dự phòng và một số phương pháp xác định chi phí dự phòng trong dự án đầu tư xây dựng                                                            | Nguyễn Thế Quân và Cộng Sự                     | Tạp chí xây dựng/2734-9888                                               | 2021 | Quản lý chương trình và dự án công       |
|    | Corruption in public projects and megaprojects: There is an elephant in the room!                                                                       | Giorgio Locatelli et al.                       | International Journal of Project Management/ 0263-7863                   | 2016 |                                          |
|    | Programme management for public budgeting and fiscal policy                                                                                             | Ganna Lytvynchenko                             | Social and Behavioral Sciences/ 1877-0428                                | 2014 |                                          |
|    | The main aspects of evaluating government projects and programmes by using the costbenefit analysis                                                     | Tamar Gamsakhurdia                             | European Scientific Journal (ESJ)/ 1857-7431                             | 2013 |                                          |
|    | A system dynamics model for the assessment of national public-private partnership programmes' sustainable performance                                   | Eirini Grammatiki, Pagoni Georgiadis Patroklos | Simulation Modelling Practice and Theory Supports open access/ 1569-190X | 2019 |                                          |
| 10 | Công bằng xã hội về kinh tế trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam                                                             | Hồ Quế Hậu                                     | Tạp chí Kinh tế Phát triển/ 1859-0020                                    | 2018 | Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế |
|    | Điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế để vượt bẫy thu nhập trung bình ở Việt Nam                                                                       | Phan Thế Công, Phạm Thị Minh Uyên              | Tạp chí Kinh tế Phát triển/ 1859-0020                                    | 2017 |                                          |
|    | Chính sách tài khóa và những tác động đến nền kinh tế                                                                                                   | Bùi Nhật Tân                                   | Tạp chí nghiên cứu kế toán/ 1859 - 4903                                  | 2014 |                                          |

|    |                                                                                                                                                     |                                     |                                                                 |      |                                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------|
|    | Conditionality economic policy and economic system                                                                                                  | Stošić-Mihajlović, L.               | Journal of Process Management/ 2334-7449                        | 2015 |                                               |
|    | A political-economic analysis of free-trade agreements                                                                                              | Levy, P. I.                         | The American Economic Review/0002-8282                          | 2007 |                                               |
|    | Location, competition, and economic development: Local clusters in a global economy.                                                                | Porter, M. E.                       | Economic development quarterly/0891-2424                        | 2020 |                                               |
|    | Managing regional economic development through local content requirements in oil and gas industry                                                   | Olegovna, S. I.                     | The American Economic Review/0002-8282                          | 2017 |                                               |
| 11 | Managing the functioning of small business at the municipal level as a driver of regional economic development                                      | Kremin, A. E. E., & Gulin, K. A. E. | Economic and Social Changes: Facts, Trends, Forecast/2307-0331  | 2017 | Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương |
|    | Multinational enterprises and regional economic development                                                                                         | Young, S., Hood, N., & Peters, E.   | Regional studies/0034-3404                                      | 2014 |                                               |
|    | Towards managing nonlinear regional development trajectories                                                                                        | Hartman, S., & De Roo, G.           | Environment and Planning C: Government and Policy/ 2334-7449    | 2017 |                                               |
|    | Foreign direct investment and human capital in developing countries: a panel data approach                                                          | Kheng, V., Sun, S., & Anwar, S.     | Economic change and Restructuring/ 1573-9414                    | 2017 |                                               |
| 12 | Globalization, financial development, and environmental degradation in the presence of environmental Kuznets curve: evidence from ASEAN-5 countries | Phong, L. H.                        | International Journal of Energy Economics and Policy/ 2146-4553 | 2019 | Kinh tế phát triển nâng cao                   |

|    |                                                                                                                                               |                                                                                                 |                                                                       |      |                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------|
|    | Globalization, financial development and economic growth: Perils on the environmental sustainability of an emerging economy                   | Sethi, P., Chakrabarti, D., & Bhattacharjee, S.                                                 | Journal of Policy Modeling/ 0161-8938                                 | 2020 |                               |
|    | Dynamic linkages between globalization, financial development and carbon emissions: evidence from Asia Pacific Economic Cooperation countries | Zaidi, S. A. H., Zafar, M. W., Shahbaz, M., & Hou, F                                            | Journal of Cleaner Production/ 0959-6526                              | 2019 |                               |
|    | Realizing the values of natural capital for inclusive, sustainable development: Informing China's new ecological development strategy         | Zheng, H., Wang, L., Peng, W., Zhang, C., Li, C., Robinson, B. E., ... & Daily, G. C.           | Proceedings of the National Academy of Sciences                       | 2019 |                               |
| 13 | Tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế - cơ sở lý thuyết và vận dụng ở Việt Nam                                                     | Dương Hoài Linh, Nguyễn Thúy Quỳnh                                                              | Tạp chí Tài chính                                                     | 2020 | Kinh tế đầu tư nâng cao       |
| 14 | Strategic capacity planning for smart production: Decision modeling under demand uncertainty                                                  | Chien, C.-F., Dou, R., & Fu, W.                                                                 | Applied Soft Computing/ 1568-4946                                     | 2018 | Mô hình ra quyết định quản lý |
|    | Decision Modeling for Economic Evaluation in Otolaryngology-Head and Neck Surgery                                                             | Forner, D., Hoit, G., Noel, C. W., Eskander, A., de Almeida, J. R., Rigby, M. H., & Naimark, D. | Review of Techniques. Otolaryngology-Head and Neck Surgery/ 1043-1810 | 2021 |                               |
|    | Decision modeling and analysis in new product development considering supply chain uncertainties: A multi-functional expert based approach    | Goswami, M., Daultani, Y., & De, A.                                                             | Expert Systems with Applications/ 0957-4174                           | 2021 |                               |

|    |                                                                                                                             |                                                                                       |                                                                    |      |                                                  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------|
|    | Comparison of Decision Modeling Approaches for Health Technology and Policy Evaluation                                      | Graves, J., Garbett, S., Zhou, Z., Schilderout, J. S., & Peterson, J.                 | Medical Decision Making/ 0272-989X                                 | 2021 |                                                  |
|    | COVID-19 policy measures—Advocating for the inclusion of the social determinants of health in modelling and decision making | Rangel, J. C., Ranade, S., Sutcliffe, P., Mykhalovskiy, E., Gastaldo, D., & Eakin, J. | Journal of Evaluation in Clinical Practice/ 13561294               | 2020 |                                                  |
| 15 | Game theory based framework of smart food quality assessment                                                                | Bhatia, M.                                                                            | Transactions on Emerging Telecommunications Technologies/2161-5748 | 2020 | Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý        |
|    | A game theory-based route planning approach for automated vehicle collection                                                | Haddad, M., Minet, P., & Lasgouttes, J.                                               | Concurrency and Computation/ 1532-0634                             | 2021 |                                                  |
|    | Game theory-based metaheuristics for structural design optimization                                                         | Mahjoubi, S., & Bao, Y.                                                               | Computer-Aided Civil and Infrastructure Engineering/ 1093-9687     | 2021 |                                                  |
|    | How Market Design Emerged from Game Theory: A Mutual Interview                                                              | Roth, A. E., & Wilson, R. B.                                                          | The Journal of Economic Perspectives/ 0895-3309                    | 2019 |                                                  |
|    | The Game Between Game Theory and Gaming Simulations: Design Choices                                                         | Roungas, V., Bekius, F., & Meijer, S.                                                 | Simulation & Gaming/ 10468781                                      | 2019 |                                                  |
| 16 | Leadership: making an impact, inspiring organization, and getting to the next level.                                        | Shet, S. V.                                                                           | Human Resource Development International/1367-8868                 | 2011 | Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực |
|    | Developing emotional intelligence skills among practicing leaders: reality or Myth?                                         | Nafukho, F. M., Muyia, M. H., Farnia, F., Kacirek, K., & Lynham, S. A.                | Performance Improvement Quarterly/ 0898-5952                       | 2016 |                                                  |
|    | Linking crisis management and leadership competencies: The role of human resource development                               | Wooten, L. P., & James, E. H.                                                         | Advances in developing human resources/4066-2276                   | 2008 |                                                  |

|    |                                                                                                                                                               |                                                                    |                                                                                                     |      |                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------|
|    | Social capital development as innovation in human resource development: A case of Technical Universities in Ghana                                             | Akpey-Mensah, T. L.                                                | African Journal of Science, Technology, Innovation and Development/2042-1338                        | 2020 |                                            |
|    | Human resource development practices supporting creativity in Finnish growth organizations                                                                    | Collin, K., Lemmetty, S., & Riivari, E.                            | International Journal of Training and Development/1360-3736                                         | 2020 |                                            |
| 17 | Processes and impacts of strategic management: Evidence from the public sector in the United Arab Emirates                                                    | Elbanna, S.                                                        | International Journal of Public Administration/1532-4265                                            | 2013 | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công |
|    | Strategic management in the public sector: a rational, political or collaborative approach?                                                                   | Favoreu, C., Carassus, D., & Maurel, C.                            | International Review of Administrative Sciences/0020-8523                                           | 2016 |                                            |
|    | Changing strategy processes and strategy content in public sector organizations? A longitudinal case study of nrm reforms' influence on strategic management. | Hansen, J. R., & Jacobsen, C. B.                                   | British Journal of Management                                                                       | 2016 |                                            |
|    | Strategic management in the public sector: how tools enable and constrain strategy making                                                                     | Höglund, L., Holmgren Caicedo, M., Mårtensson, M., & Svärdsten, F. | International Public Management Journal/1096-7494                                                   | 2018 |                                            |
|    | Strategic management thinking and practice in the public sector: A strategic planning for all seasons?                                                        | Johnsen, Å.                                                        | Financial Accountability & Management/1468-0408                                                     | 2015 |                                            |
| 18 | Negotiation as a Tool for Dispute Resolution and Conflict Management in a Changing World                                                                      | Temitayo Bello                                                     | SSRN<br><a href="http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3010144">http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3010144</a> | 2017 | Đàm phán và quản lý xung đột               |
|    | The importance of negotiation and conflict management                                                                                                         | Iubna Tabassum                                                     | Journal of Management and Science                                                                   | 2020 |                                            |

|    |                                                                                    |                            |                                                                                                                                                                   |      |                                            |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------|
| 19 | Factors that impact the success of an organizational change: a case study analysis | Steven, H. Appelbaum et al | Industrial and Commercial Training, Vol. 49 Issue: 5, pp.213-230, <a href="https://doi.org/10.1108/ICT-02-2017-0006">https://doi.org/10.1108/ICT-02-2017-0006</a> | 2017 | Quản lý sự thay đổi                        |
|    | Employee attitudes toward change in public sector Organization                     | Mega Asri Zona et al       | Management insight: Jurnal Ilmiah Manajemen/1978-3884                                                                                                             | 2020 |                                            |
| 20 | Globalisation and Economics.                                                       | Colander, D.               | Economics of Globalisation                                                                                                                                        | 2017 | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế |

## 12. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

### Danh sách giảng viên cơ hữu

| STT | HỌ VÀ TÊN                | HỌC HÀM - HỌC VỊ | HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY                      |
|-----|--------------------------|------------------|--------------------------------------------------|
| 1   | Trần Nguyễn Ngọc Anh Thu | PGS, TS          | Kinh tế học quản lý                              |
| 2   | Đoàn Ngọc Phúc           | TS               | Kinh tế khu vực công                             |
| 3   | Nguyễn Huy Hoàng         | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế          |
| 4   | Nguyễn Tuấn Duy          | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế          |
| 5   | Nguyễn Tú                | TS               | Pháp luật về quản lý kinh tế                     |
| 6   | Nguyễn Quyết             | TS               | Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý        |
| 7   | Nguyễn Văn Tuyên         | TS               | Kinh tế đầu tư nâng cao                          |
| 8   | Ao Thu Hoài              | TS               | Quản lý sự thay đổi                              |
| 9   | Cảnh Chí Hoàng           | TS               | Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực |
| 10  | Huỳnh Thế Nguyễn         | TS               | Kinh tế phát triển nâng cao                      |
| 11  | Trần Văn Hưng            | TS               | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công       |
| 12  | Nguyễn Văn Vẹn           | TS               | Đàm phán và quản lý xung đột                     |
| 13  | Nguyễn Tấn Hưng          | TS               | Triết học                                        |
| 14  | Lại Văn Nam              | TS               | Triết học                                        |
| 15  | Ngô Thái Hưng            | TS               | Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế          |
| 16  | Nguyễn Thị Mỹ Linh       | PGS, TS          | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế       |

**Danh sách giảng viên thỉnh giảng**

| STT | HỌ VÀ TÊN            | HỌC HÀM<br>- HỌC VỊ | HỌC PHẦN THAM GIA<br>GIẢNG DẠY                   |
|-----|----------------------|---------------------|--------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Đình Thái     | TS                  | Lãnh đạo công và quản lý                         |
| 2   | Lê Thị Loan          | TS                  | Quản lý nhà nước về kinh tế<br>nâng cao          |
| 3   | Phan Ngọc Trung      | TS                  | Phân tích và đánh giá chính sách<br>kinh tế      |
| 4   | Nguyễn Văn Dư        | TS                  | Chuyển đổi số trong khu vực<br>công              |
| 5   | Lê Thị Tuyết Thanh   | TS                  | Quản lý chương trình và dự án<br>công            |
| 6   | Võ Hữu Phước         | TS                  | Quản lý phát triển kinh tế vùng<br>và địa phương |
| 7   | Trần Thị Huyền Thanh | TS                  | Mô hình ra quyết định quản lý                    |

**13. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VỚI CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

| Mã học<br>phần                  | TÊN HỌC PHẦN                                | CHUẨN ĐẦU RA CỦA<br>CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO |       |       |         |       |       |       |                                         |       |       |
|---------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|-----------------------------------------|-------|-------|
|                                 |                                             | Kiến thức                                |       |       | Kỹ năng |       |       |       | Mức tự chủ<br>và tự chịu<br>trách nhiệm |       |       |
|                                 |                                             | PLO01                                    | PLO02 | PLO03 | PLO04   | PLO05 | PLO06 | PLO07 | PLO08                                   | PLO09 | PLO10 |
| Kiến thức chung                 |                                             |                                          |       |       |         |       |       |       |                                         |       |       |
| MEM01                           | Triết học (Philosophy)                      | R                                        |       |       | R       |       |       | R     | M                                       |       |       |
| MEM02                           | Phương pháp nghiên cứu<br>khoa học kinh tế  |                                          | M     |       |         |       | M     |       | R                                       |       |       |
| Kiến thức cơ sở và chuyên ngành |                                             |                                          |       |       |         |       |       |       |                                         |       |       |
| MEM03                           | Lãnh đạo công và quản lý                    | M                                        |       | R     | R       |       |       | M     | M                                       | R     |       |
| MEM04                           | Kinh tế học quản lý                         |                                          | M     | M     | M       |       | M     | M     | M                                       | M     | M     |
| MEM05                           | Kinh tế đầu tư nâng cao                     |                                          | M     | M     | M       |       | M     | M     | M                                       | M     | M     |
| MEM06                           | Pháp luật quản lý kinh tế                   | M                                        |       |       | M       |       |       | R     | M                                       | R     |       |
| MEM07                           | Quản lý nhà nước về kinh<br>tế nâng cao     | M                                        | M     | A     | M       |       | M     | A     | M                                       | M     | M     |
| MEM08                           | Quản lý chương trình và<br>dự án công       | M                                        | A     | M     | M       | A     | M     |       | A                                       | M     | M     |
| MEM09                           | Phân tích và đánh giá<br>chính sách kinh tế | M                                        | M     | A     | M       |       |       | M     | M                                       | M     |       |

|       |                                                  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-------|--------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| MEM10 | Nghiên cứu tình huống 1                          | R | R | M | R | R | M | M | R | M | M |
| MEM11 | Nghiên cứu tình huống 2                          | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |
| MEM12 | Kinh tế phát triển nâng cao                      | M | R | M | M |   | R | M | M | M | M |
| MEM13 | Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương    | A | R | M | M |   |   | M | M | M |   |
| MEM07 | Kinh tế khu vực công                             |   | M | M | M |   | M | M | M | R |   |
| MEM15 | Chuyển đổi số trong khu vực công                 | M |   |   | M |   |   |   | M |   |   |
| MEM16 | Mô hình ra quyết định quản lý                    | M | M | R | M | M |   | M | M | M |   |
| MEM17 | Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý        | M | M | R | M |   | M | M | M | M |   |
| MEM18 | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế       | R |   | R | M |   | M | M | M | M |   |
| MEM19 | Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực | M |   | M | M | M |   | M | M | M |   |
| MEM20 | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công       | M |   | M | M | M | R | R | M | M | M |
| MEM21 | Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công  | M |   | M | M | M |   | M | M | M |   |
| MEM22 | Quản lý sự thay đổi                              | M | R | R | M |   |   | R | M | M |   |
| MEM23 | Đề án tốt nghiệp                                 | M | A | A | A | M | M | A | M | A | M |

**Chú thích:** Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

#### 14. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 14.1. Tên học phần: Triết học

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý; giúp người học nâng cao nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Củng cố và nâng cao tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các kinh tế, tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh;

- Về kỹ năng: Kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin, đặc biệt là kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Tóm tắt nội dung:

Học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(M)

#### **14.2. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung

Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng căn bản mở đầu về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh nói riêng.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Môn học cung cấp các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học, được áp dụng phổ biến trong phân tích và dự báo trong kinh tế và kinh doanh.

- Về kỹ năng: Kỹ năng đặt vấn đề và xây dựng mô hình kinh tế và phương pháp nghiên cứu; Học viên phải biết phương pháp để xây dựng mô hình kinh tế phù hợp với vấn đề thực tiễn trong kinh tế và quản lý kinh tế. Biết vận dụng khai thác kết quả nghiên cứu đã có.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Nội dung của học phần này cung cấp cho học viên kiến thức căn bản và chuyên sâu về nghiên cứu khoa học kinh tế. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: Chương 1 giới thiệu chung; Khái niệm về nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu; Các phương pháp nghiên cứu; Quy trình nghiên cứu; Các cấu phần cơ bản của một nghiên cứu. Chương 2 trình bày tổng quan trong nghiên cứu khoa học; Vai trò của tổng quan nghiên cứu; Nội dung của phần tổng quan; Các yêu cầu đối với tổng quan nghiên cứu; Ví dụ về cách viết tổng quan; thực hành viết tổng quan nghiên cứu. Chương 3. Lựa chọn câu hỏi nghiên cứu. Chương 4. Xây dựng khung lý thuyết. Chương 5. Hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và trình bày báo cáo nghiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO6(M), PLO8(R).

#### **14.3. Tên học phần: Lãnh đạo công và quản lý**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung

Học phần nằm trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên khung lý thuyết để hiểu sự phức tạp của thay đổi trong các hệ thống xã hội, phân tích các thách thức lãnh đạo và quản lý, huy động mọi người làm công việc thích ứng, truyền cảm hứng và xây dựng chiến lược hành động

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Môn học cung cấp nền tảng lý thuyết và thực tiễn mang tính chuẩn đoán và chiến lược để học viên phát triển năng lực lãnh đạo và quản lý đặc biệt là năng lực lãnh đạo và quản lý trong khu vực công.

- Về kỹ năng: Kết thúc môn học này, học viên sẽ có kỹ năng tốt hơn để: Lãnh đạo trong khu vực công khi có hay không có quyền hạn; Hiểu và ứng dụng các nền tảng của lãnh đạo thích ứng trong bối cảnh Việt Nam; Phân tích sự phức tạp của thay đổi trong các hệ thống xã hội và ra các quyết định chiến lược; Huy động năng lực và trách nhiệm giữa các nhóm khác nhau, truyền đạt và tương tác một cách hiệu quả với các lực lượng xã hội của Việt Nam trong bối cảnh của sự phát triển nhanh chóng của tầng lớp trung lưu.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Nội dung của học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về lãnh đạo và quản lý. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: Chương 1. Tổng quan về lãnh đạo công và quản lý, Chương 2. Lãnh đạo, quyền hạn và quyền lực; chương 3. Thách thức lãnh đạo: vận động, phát triển và chuyển đổi; Chương 4 trình bày lãnh đạo và văn hóa tổ chức; Chương 5. Thuyết phục và truyền cảm hứng; Chương 6. Ra quyết định; Chương 7. Lãnh đạo bằng quyền hạn; Chương 8. Lãnh đạo không quyền hạn; Chương 9: Lãnh đạo trong khủng hoảng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R).

#### 14.4. Tên học phần: Kinh tế học quản lý

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học và ứng dụng trong quản lý, từ đó, giúp người học có khả năng hiểu và phân tích tác động của các chính sách đối với từng thị trường, để ra quyết sách.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Hiểu được các phương thức vận động của thị trường, cách hình thành giá cả, sự thay đổi của giá cả khi các yếu tố trên thị trường thay đổi và các ứng dụng để quản lý nền kinh tế.

- Về kỹ năng: Phân tích được tác động của giá cả thị trường đến các chủ thể của nền kinh tế và phản ứng của các chủ thể này trước sự thay đổi của thị trường, Vận dụng các lý thuyết đã học vào phân tích các tình huống cụ thể trong nền kinh tế.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Tích cực, chủ động nghiên cứu ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô vào quản lý kinh tế; có tinh thần trách nhiệm đối với việc học tập.

Tóm tắt nội dung:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích tác động của chính sách của chính phủ (như: thuế, trợ giá, hạn ngạch, . . .) đến sự phân bổ nguồn lực của nền kinh tế cũng như đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp, lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh....

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### ❖ 14.5. Tên học phần: Pháp luật quản lý kinh tế

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

*Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Cung cấp cho người học các kiến thức về pháp luật thực định trong lĩnh vực quản lý kinh tế; đó là, những quy định liên quan đến quản lý về đất đai; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư công, quản lý về doanh nghiệp.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế; Hiểu được các quy định việc quản lý nhà nước về kinh tế Đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng xử lý các tình huống cụ thể trong việc quản lý về kinh tế; Có kỹ năng tư vấn quy trình, thủ tục, triển khai kế hoạch đầu tư công, lựa chọn

được loại hình thương nhân thích hợp để kinh doanh; Phân tích, đánh giá được các tình huống nảy sinh trong thực tiễn quản lý về kinh tế.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Quan tâm hơn đến những hoạt động kinh tế, Tích cực, chủ động tìm hiểu vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước, của thương nhân, có tinh thần trách nhiệm đối với việc học tập.

Tóm tắt nội dung:

Học phần Pháp luật về quản lý kinh tế được giảng dạy nhằm cung cấp các kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến quản lý kinh tế, như quản lý về đất đai; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư công; quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý doanh nghiệp... Đây là những kiến thức quan trọng phục vụ cho chuyên ngành quản lý kinh tế của trường, làm tiền đề cho việc nghiên cứu một số môn học chuyên ngành.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R).

#### **14.6. Tên học phần: Kinh tế khu vực công**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

*Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Người học biết, hiểu và vận dụng linh hoạt các kiến thức về khu vực công trong phân tích thực tế.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Môn học cung cấp nền tảng kiến thức về vai trò của khu vực công trong thị trường và các công cụ chính sách mà chính phủ sử dụng trong quản lý và điều tiết kinh tế. Các vấn đề được đề cập cụ thể trong môn học bao gồm: vai trò của chính phủ trong phân bổ lại nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, vai trò của chính phủ trong phân phối lại thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội, vai trò của chính phủ trong ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, nguyên tắc lựa chọn công cộng, các công cụ chính sách can thiệp của chính phủ.

- Về kỹ năng: Kỹ năng phân tích các vấn đề của nền kinh tế, kỹ năng vận dụng linh hoạt các kiến thức kinh tế được học để đánh giá và đề xuất các công cụ chính sách phù hợp với từng tình huống cụ thể.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu

Tóm tắt nội dung:

Học phần nằm trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về kinh tế học của khu vực công, làm cơ sở cho các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường bao gồm vai trò phân bổ lại nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, vai trò phân bổ lại thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội, vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, các công cụ và cách thức thực hiện chính sách công.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R).

#### **14.7. Tên học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

*Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Cung cấp các kiến thức nâng cao về quản lý kinh tế và ứng dụng trong giải quyết những tình huống quản lý kinh tế cụ thể.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Học phần này cung cấp kiến thức nâng cao về quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế như chức năng quản lý về kinh tế, những nguyên tắc và các công cụ quản lý kinh tế; các mục tiêu quản lý; quản lý về thông tin kinh tế; những vấn đề liên quan đến đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay.

- Về kỹ năng: Phân tích được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống cụ thể, vận dụng những nguyên tắc, quyết định của chính phủ, hiệu quả của chính sách trong phân tích tình hình thực tế của nền kinh tế.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: cải tiến và cập nhật kiến thức mới, nắm bắt kịp thời, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cao trong công việc. Nâng cao năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học lý thuyết nâng cao và công cụ về quản lý kinh tế giúp người học nắm được vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, hiểu được những đặc trưng, cơ chế, chức năng và nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý và sự vận hành thông suốt của nền kinh tế giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, của quốc gia trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### **14.8. Tên học phần: Quản lý chương trình và dự án công**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

*Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Quản lý chương trình và dự án công cung cấp hệ thống các kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật vào việc lập, thẩm định và quyết định các chương trình và dự án công. Tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện các chương trình và dự án công, là quá trình thông qua đó kiểm tra các mục tiêu đầu tư.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: môn học cung cấp các kiến thức về chương trình, dự án đầu tư trong các lĩnh vực công và vận dụng các kiến thức, kỹ năng, công cụ và kỹ thuật vào việc lập, thẩm định và quyết định chương trình, dự án công; tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện chương trình và dự án đầu tư công; thông qua đó kiểm tra các mục tiêu đầu tư.

- Về kỹ năng: xác định được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của tổ chức nhằm xây dựng và lập kế hoạch chương trình và các dự án. Phân tích và đánh giá các nguồn lực và lập tiến độ thực hiện dự án. Kỹ năng tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện chương trình và dự án đầu tư công, kỹ năng kiểm tra, giám sát theo các mục tiêu đề ra.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: học viên phải chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu và thảo luận.

Tóm tắt nội dung:

Chương 1 trình bày tổng quan về chương trình và dự án đầu tư công, quản lý đầu tư công, chương trình và dự án đầu tư công, quản lý chương trình và dự án đầu tư công. Chương 2 trình khái niệm và những nội dung cơ bản liên quan như: vai trò, chủ thể, nội dung, nguyên tắc, yêu cầu, nhiệm vụ, chức năng của quản lý đầu tư công, quản lý dự án đầu tư công; các bên liên quan đến quản lý dự án đầu tư công; nhân sự quản lý dự án, tổ chức văn phòng quản lý dự án... Chương 3 cung cấp những thông tin cần thiết về các bước lập và thẩm định các dự án đầu tư công hiệu quả, bao gồm các bước: đề xuất chủ trương, nghiên cứu lập dự án đầu tư; phương pháp lập dự án, phương pháp phân tích hiệu quả dự án đầu tư; thẩm định dự án đầu tư. Chương 4. phân tích các hình thức thực hiện các dự án đầu tư công; các yêu cầu, những điểm cần quan tâm và quy trình lập kế hoạch thực hiện dự án; các kỹ thuật lập kế hoạch thực hiện dự án; phương pháp đẩy nhanh tiến độ dự án; kiểm soát thực hiện dự án. Chương 5. trình bày các nội dung từ khâu giám sát, đánh giá đến xử lý kết quả giám sát và đánh giá cũng như đo lường hiệu lực, hiệu quả dự án đầu tư công.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(A), PLO6(M), PLO8(A), PLO9(M), PLO10(M).

#### **14.9. Tên học phần: Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

*Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế là là quá trình vận dụng các kiến thức, kỹ năng và các công cụ vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện phân tích và đánh giá các chính sách về kinh tế nhằm cung cấp thông tin chính xác cho việc ra quyết định chính sách cho các nhà quản lý.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức về bản chất và vai trò của chính sách kinh tế trong nền kinh tế thị trường; cung cấp các công cụ, phương pháp phân tích và đánh giá chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Trên cơ sở phân tích và đánh giá các dữ liệu thu thập được trong nền kinh tế, học phần cung cấp các kiến thức, kỹ thuật và phương pháp trong việc hoạch định, tổ chức thực hiện và thẩm định chính sách kinh tế vĩ mô.

- Về kỹ năng: Học phần cung cấp các kỹ năng về thu thập và xử lý dữ liệu kinh tế vĩ mô; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phân tích và đánh giá các chính sách kinh tế theo mục tiêu của tổ chức; kỹ năng kiểm tra, điều chỉnh và tổng kết chính sách.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: học viên phải chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu và thảo luận.

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về phân tích và đánh giá chính sách kinh tế trong nền kinh tế thị trường; cung cấp các công cụ, phương pháp phân tích và đánh giá chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Trên cơ sở phân tích và đánh giá các dữ liệu thu thập được trong nền kinh tế, học phần cung cấp các kiến thức, kỹ thuật và phương pháp trong việc hoạch định, tổ chức thực hiện và thẩm định chính sách kinh tế vĩ mô. Nội dung của học phần này bao gồm: Chương 1 trình bày tổng quan về chính sách kinh tế trong nền kinh tế thị trường; Chương 2 trình bày hoạch định, tổ chức thực hiện phân tích và đánh giá chính sách kinh tế; Chương 3: Phân tích và đánh giá chính sách tài khóa; Chương 4. Phân tích và đánh giá chính sách tiền tệ; Chương 5. Phân tích và đánh giá chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Chương 6. Phân tích và đánh giá chính sách ngoại thương.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(A), PLO4(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.10. Tên học phần: Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần giới thiệu các khái niệm và khung phân tích của kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh, giúp học viên ứng dụng khung phân tích tổng quát vào việc phân tích tính cạnh tranh quốc gia.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Môn học này giới thiệu về năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế nhìn từ góc độ kinh tế học vi mô. Môn học sẽ giúp học viên hiểu và nghiên cứu cách thức một đơn vị hay tổ chức (chính quyền trung ương, chính quyền địa

phương, các cụm ngành, hiệp hội ngành nghề v.v.) xây dựng năng lực cạnh tranh của một vùng hay địa phương để đạt được các mục tiêu phát triển của mình.

- Về kỹ năng: Kỹ năng ứng dụng khung phân tích tổng quát vào việc phân tích tính cạnh tranh quốc gia; các thuộc tính lợi thế cạnh tranh của một đơn vị, tổ chức; kỹ năng đưa ra các quyết định có tính chiến lược để khai thác những lợi thế cạnh tranh mạnh nhất, đồng thời khắc phục những mối liên kết yếu nhất cản trở năng suất

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Học phần giới thiệu các khái niệm và khung phân tích của kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh, giúp học viên ứng dụng khung phân tích tổng quát vào việc phân tích tính cạnh tranh quốc gia. Các nội dung của học phần này bao gồm: chương 1 giới thiệu các khái niệm và khung phân tích của kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh và các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh; Chương 2 trình bày chiến lược cạnh tranh; Chương 3 trình bày khung lý thuyết về Năng lực cạnh tranh, việc làm, thu nhập và ngân sách. Chương này cũng cho học viên thảo luận về các tình huống cụ thể trong thực tế; Chương 4: Phân tích năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam; Chương 5: Nhận dạng địa phương: trình bày các yếu tố hình thành và phát triển địa phương từ đó nhận dạng được địa phương từ góc nhìn kinh tế. Chương 6: Phân tích năng lực cạnh tranh địa phương. Chương 7: Mô hình Kim cương; Chương 8: Cụm ngành và phát triển cụm ngành ở nền kinh tế đang phát triển. Chương 9. Khu công nghiệp và khu kinh tế. Chương 10: Chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, vùng và địa phương

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(A), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.11. Tên học phần: Kinh tế phát triển nâng cao**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

*Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Mục tiêu của học phần là giúp học viên nắm bắt và vận dụng sáng tạo được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu, những kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý và thái độ, nhận thức với vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh mới một cách hiệu quả, đặc biệt ở các khu vực nền kinh tế mới nổi như Việt Nam.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Học phần trang bị cho học viên những tri thức về tăng trưởng và phát triển kinh tế nâng cao. Cụ thể bao gồm những vấn đề lý thuyết về tăng trưởng, phát triển, các động lực cho sự phát triển và thực tiễn về tăng trưởng và phát triển kinh tế ở trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.
- Về kỹ năng: trang bị cho học viên kỹ năng phân tích, đánh giá sự tăng trưởng, phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển về: phát triển con người, phát triển kinh tế bền vững, các động lực cho phát triển. Trên cơ sở đó học viên có thể vận dụng phân tích, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thực tiễn.
- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Học phần nằm trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về kinh tế phát triển, làm cơ sở cho các quyết định chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ quan, đơn vị và địa phương trong thực tiễn. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế; các động lực phát triển kinh tế; vấn đề phát triển con người và phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam; và thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: chương 1 hệ thống hóa một cách khái quát các vấn đề lý thuyết về tăng trưởng, phát triển, phát triển bền vững, cũng như các chỉ số đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế; chương 2 nhằm giúp cho người học nhận biết được vai trò của các nguồn lực cơ bản; Chương 3 nhằm khái quát hóa chỉ số phát triển con người; chương 4 giúp người học có thể nhận biết được các chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia; chương 5 trình bày vai trò của thương mại quốc tế với tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. Trên cơ sở đó, phân tích đánh giá thực trạng thương mại quốc tế của Việt Nam và những vấn đề đặt ra về phát triển kinh tế bền vững; cũng như quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển thương mại quốc tế ở Việt nam trong bối cảnh mới.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(R), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

#### 14.12. Tên học phần: Kinh tế đầu tư nâng cao

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần này cung cấp kiến thức kinh tế trong hoạt động đầu tư, giúp người học vận dụng được các phương pháp quản lý và đánh giá đầu tư cũng như các quy định của nhà nước về quản lý hoạt động đầu tư trong nền kinh tế để đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế phát sinh trong lĩnh vực đầu tư ở các hoàn cảnh và điều kiện khác nhau.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế trong hoạt động đầu tư; Hiểu và vận dụng được các phương pháp quản lý và đánh giá đầu tư cũng như các quy định của nhà nước về quản lý hoạt động đầu tư trong nền kinh tế; Đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế phát sinh trong lĩnh vực đầu tư ở các hoàn cảnh và điều kiện khác nhau.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng xử lý các tình huống cụ thể trong việc quản lý về kinh tế; Có kỹ năng tư vấn quy trình, thủ tục, triển khai hoạt động đầu tư ở mức cụ thể hay ở tầm quản lý vĩ mô; Phân tích, đánh giá được các tình huống nảy sinh trong thực tiễn quản lý về kinh tế.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Tích cực, chủ động tìm hiểu vấn đề kinh tế, quản lý và pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư của nền kinh tế.

Tóm tắt nội dung:

Học phần Kinh tế đầu tư cung cấp các kiến thức kinh tế trong lĩnh vực thực hiện đầu tư – một giai đoạn của quá trình hình thành và thực hiện các công cuộc đầu tư của một nền kinh tế. Học phần xây dựng và làm rõ những vấn đề cơ bản và những quy luật kinh tế đặc thù trong hoạt động đầu tư; nhiên cứu các nguyên tắc tổ chức quản lý, hình thức tổ chức quản lý, các vấn đề về kế hoạch hóa trong lĩnh vực thực hiện đầu tư, đánh giá hiệu quả và xem xét các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư trong nền kinh tế nói chung.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(A), PLO9(M), PLO10(M).

#### 14.13. Tên học phần: Mô hình ra quyết định quản lý

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng căn bản và nâng cao về các mô hình ra quyết định trong quản lý.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Môn học cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về mô hình ra quyết định, nhận biết về các mô hình ra quyết định phổ biến trong quản lý kinh tế. Cụ thể bao gồm các mô hình ra quyết định: Mô hình ngẫu nhiên, mô hình đa tiêu chí, mô hình Markov, Mô hình hàng đợi. Qua đó, người học có thể phân tích, đánh giá, đề xuất thiết kế những mô hình quyết định phù hợp với bối cảnh quản lý cụ thể.

- Về kỹ năng: Trang bị cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp các tình huống trong quá trình ra quyết định quản lý; Học viên biết và áp dụng phương pháp xây dựng mô hình ra quyết định phù hợp với vấn đề thực tiễn quản lý. Người học có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ cho quá trình ra quyết định.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Chương 1: tổng quan ra quyết định quản lý mô tả một số đặc điểm của việc ra quyết định trong quản lý, giải thích ý nghĩa của mô hình trong bối cảnh ra quyết định, xác định các đặc điểm chung của các mô hình đó, hiểu quy trình xây dựng mô hình ra quyết định cơ bản, điều gì tạo nên một mô hình và một số tiêu chí đánh giá việc sử dụng chúng trong quá trình đưa ra quyết định; Chương 2: Mô hình ngẫu nhiên giúp người học biết các khái niệm cơ bản về xác suất và giá trị kỳ vọng và sử dụng chúng trong việc ra quyết định trong điều kiện rủi ro và không chắc chắn. Liệt kê được các bước của quá trình ra quyết định. Hiểu được tầm quan trọng và cách vận dụng lý thuyết dụng ích trong việc ra quyết định. Áp dụng xác suất Bayes để ra quyết định. Sử dụng phần mềm máy tính để giải quyết việc ra quyết định các vấn đề cơ bản; Chương 3: mô hình đa tiêu chí giúp người học biết một số mô hình quyết định đa thuộc tính, các phương pháp giải cơ bản, các lược đồ trọng số, tầm quan trọng của phân tích độ nhạy. Chương 4: Mô hình Markov là

giúp người học biết được quy trình ra quyết định dựa vào kết quả phân tích Markov, hiểu và xác định được ma trận xác suất chuyển trạng thái, tính toán các điều kiện dài hạn hoặc trạng thái ổn định bằng cách sử dụng ma trận xác suất chuyển. Hiểu việc sử dụng phân tích trạng thái hấp thụ trong dự đoán các điều kiện trong tương lai. Sử dụng phần mềm để giải quyết các vấn đề ra quyết định trong thực tế. Chương 5: Mô hình hàng đợi giúp người học nhận biết được mô hình hàng đợi, mô tả các đường cong đánh đổi chi phí chờ đợi và chi phí của dịch vụ, hiểu ba thành phần của hệ thống hàng đợi, phân tích các đặc điểm hoạt động hàng đợi. Sử dụng phần mềm để giải quyết các vấn đề ra quyết định trong thực tế.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(R), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.14. Tên học phần: Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Môn học cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về lý thuyết trò chơi, nhận biết về các dạng trò chơi phổ biến trong quản lý kinh tế. Cụ thể bao gồm các dạng như Trò chơi có tổng không đổi, trò chơi hữu hạn, trò chơi với thông tin không hoàn hảo. Qua đó, người học có thể phân tích, đánh giá, đề xuất ứng dụng mô hình lý thuyết trò chơi trong bối cảnh quản lý cụ thể.

- Về kỹ năng: Trang bị cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp các tình huống trong quá trình ra quyết định quản lý, trong việc lựa chọn các chiến lược; học viên biết và áp dụng lý thuyết trò chơi để giải quyết vấn đề thực tiễn quản lý. Người học có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ cho quá trình ra tìm các chiến lược tối ưu.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Chương 1 là giới thiệu lịch sử ra đời, các ứng dụng của lý thuyết trò chơi, trình bày một số khái niệm ban đầu về lý thuyết trò chơi như trò chơi là gì? Các dạng trò chơi; trò chơi xác định, trò chơi không xác định, trò chơi hợp tác, trò chơi bất hợp

tác, trò chơi với thông tin hoàn hảo, trò chơi với thông tin không hoàn hảo; các dạng chiến lược, cân bằng Nash. Qua đó, người học có thể nhận biết được các dạng trò chơi trong thực tế quản lý. Chương 2 là giúp người học nhận biết các khái niệm cơ bản về trò chơi có tổng không đổi, ma trận trò chơi, điểm yên ngựa, chiến lược tối đa hóa cực tiểu, tìm được lời giải cho trò chơi có ma trận là  $n \times 2$  và  $m \times 2$ , hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng các trò chơi có tổng không đổi trong thực tế, giải quyết các tình huống cụ thể trong quản lý. Chương 3 là giúp người học nhận biết được khái niệm về trò chơi hữu hạn, các tính chất, đặc điểm và phân biệt được sự khác nhau với trò chơi có tổng không đổi, hiểu ý nghĩa cân bằng Nash, tìm kết quả điểm cân bằng cho một trò chơi cụ thể. Bên cạnh đó, người học có thể ứng dụng kiến thức trò chơi hữu hạn để giải quyết một vấn đề thực tế quản lý. Chương 4 là giúp người học phân biệt được các dạng trò chơi hữu hạn dạng mở rộng, biết liệt kê các phương án có thể xảy ra trong một trò chơi, hiểu và xác định được cân bằng Nash dạng mở rộng, ứng dụng vào giải quyết tình huống cụ thể. Chương 5 là giới thiệu ngắn gọn về khái niệm cơ bản trò chơi với thông tin không hoàn hảo, qua đó giúp người học hiểu rõ dạng thông tin người chơi gồm hoàn hảo và không hoàn hảo. Với mỗi dạng thông tin, người học được trang bị phương pháp tìm phương án cân bằng tương ứng và vận dụng chúng trong những tình huống quản lý cụ thể.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(R), LO4(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.15. Tên học phần: Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về chính sách và những vấn đề tài chính quốc tế. Nắm vững các nghiệp vụ chủ yếu của hoạt động tài chính quốc tế (trên góc độ vĩ mô). Có thể xử lý được các vấn đề nảy sinh có liên quan tới hoạt động tài chính quốc tế trong thực tiễn.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Trang bị người học những kiến thức chuyên sâu về tài chính quốc tế cũng như sự lưu chuyển của tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về kỹ năng: có thể xử lý được các vấn đề nảy sinh có liên quan tới hoạt động tài chính quốc tế tại các cơ sở kinh tế trong thực tiễn.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: chuyên cần trong học tập và chủ động học tập nghiên cứu các nội dung có liên quan đến tài chính quốc tế.

Tóm tắt nội dung:

Học phần chính sách và những vấn đề tài chính quốc tế trình bày có hệ thống và khái quát hoá những vấn đề chính sách liên quan tới sự vận động của các luồng tiền tệ giữa các quốc gia. Học phần bao gồm những nội dung chính yếu sau: Những vấn đề chung về tài chính quốc tế; chính sách tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; hoạt động của thị trường tài chính quốc tế; Đầu tư quốc tế của các tổ chức kinh tế và tài chính công ty đa quốc gia; Tài trợ quốc tế của nhà nước; Thuế quan và liên minh thuế quan; hoạt động của một số tổ chức tài chính quốc tế.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.16. Tên học phần: Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể, học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản và chuyên sâu về thị trường lao động như cung lao động, cầu lao động, cân bằng thị trường lao động; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, năng suất lao động và tiền lương đối với người lao động và các nội dung liên quan đến phát triển nguồn nhân lực như phát triển cá nhân, phát triển sự nghiệp và phát triển nhóm, phát triển tổ chức. Học phần có mối quan hệ với học phần kinh tế học vĩ mô nâng cao trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản lý kinh tế.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Học phần trang bị cho học viên những tri thức nâng cao về thị trường lao động như các nguyên lý của cung và cầu lao động, cân bằng cung - cầu lao động trên thị trường, tác động của các chính sách lên đến cung và cầu lao động. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, năng suất lao động và tiền lương đối với người lao động và các nội dung liên quan đến phát triển nguồn nhân lực như phát triển cá nhân, phát triển sự nghiệp và phát triển nhóm, phát triển tổ chức từ đó học viên có thể xây

dựng được lộ trình công danh một cách bài bản và khoa học, hiểu và vận dụng để phát triển một nhóm, phát triển tổ chức hiệu quả.

- Về kỹ năng: Học phần nhằm trang bị cho học viên kỹ năng cần thiết để phân tích được các nguyên lý của cung và cầu lao động, đánh giá được tác động của các chính sách, đến cung và cầu lao động; xây dựng được lộ trình công danh một cách bài bản và khoa học, hiểu và vận dụng để phát triển một nhóm hiệu quả; Có thể nhận biết và quản lý sự thay đổi trong phát triển tổ chức và có thể đưa ra những can thiệp phù hợp nhất để phát triển tổ chức.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Yêu cầu học viên thực sự chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tóm tắt nội dung:

Chương 1 cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về thị trường lao động như cung và cầu lao động, cân bằng cung - cầu lao động trên thị trường, tác động của các chính sách, chế độ Nhà nước lên sự điều chỉnh cung và cầu lao động, từ đó xây dựng được các chính sách phù hợp hơn trong lĩnh vực này; chương 2 cung cấp cho người học kiến thức về năng suất lao động và tiền lương, các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động và điều kiện, khả năng nâng cao năng suất lao động; giúp người học hiểu rõ tác động của tiền lương đến năng suất lao động từ đó biết cách áp dụng linh hoạt các hình thức trả lương trong tổ chức. Đồng thời, giúp các nhà quản lý tương lai phân tích, đánh giá những bất cập của chính sách tiền lương hiện tại và có thể đóng góp vào việc điều chỉnh chính sách tiền lương nhằm giúp tăng trưởng năng suất lao động trong giai đoạn tới; chương 3 là giúp người học hiểu được mối quan hệ giữa phát triển nguồn nhân lực và phát triển kinh tế, các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực, mối quan hệ giữa đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và đề ra được các chiến lược phát triển nguồn nhân lực; chương 4 nhằm cung cấp cho học viên các nội dung liên quan đến phát triển nguồn nhân lực như phát triển cá nhân, phát triển sự nghiệp và phát triển nhóm, phát triển tổ chức để học viên có thể xác định nhu cầu đào tạo dựa trên khung năng lực, xây dựng được lộ trình công danh một cách bài bản và khoa học cũng như có thể nhận biết và quản lý sự thay đổi trong phát triển tổ chức và có thể đưa ra những can thiệp phù hợp nhất để phát triển tổ chức.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.17. Tên học phần: Quản trị chiến lược trong tổ chức công**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Môn học phát triển những kiến thức, công cụ và kinh nghiệm trên thế giới nhằm giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công thông qua: hoạch định chiến lược phát triển của tổ chức (xác định các tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu, các chiến lược phát triển, và các kế hoạch hành động của tổ chức công); và thực hiện chiến lược (quản lý việc thực hiện dựa trên kết quả và các quá trình hoàn thiện liên tục...).

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: môn học cung cấp các khái niệm, bản chất quản trị chiến lược trong các tổ chức công, phân tích và đánh giá môi trường kinh tế xã hội để xác định lợi thế địa phương, quốc gia thông qua các dữ liệu, quy trình xây dựng, lựa chọn và tổ chức thực hiện chiến lược theo mục tiêu của tổ chức. Đánh giá và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch thực hiện. Xác định vị trí quốc gia, địa phương trong thời kỳ hội nhập.

- Về kỹ năng: xác định được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của tổ chức. Phân tích và đánh giá được điều kiện môi trường kinh tế xã hội thực tế của địa phương, quốc gia. Xây dựng các mô hình chiến lược phát triển kinh tế xã hội, chiến lược đầu tư công,... Lựa chọn mô hình chiến lược khả thi, đề xuất chính sách và tổ chức thực hiện chiến lược theo mục tiêu đã đặt ra. Phải điều chỉnh được chiến lược trong quá trình thực hiện.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: học viên phải chuyên cần và có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu và thảo luận.

Tóm tắt nội dung:

Chương 1 trình bày tổng quan quản trị chiến lược trong các tổ chức công: khái niệm liên quan đến quản trị chiến lược trong các tổ chức công, các nội dung cơ bản của quản trị chiến lược trong các tổ chức công, vai trò của các bên và hệ thống thông tin liên quan và quy trình xây dựng và quản lý chiến lược trong các tổ chức công. Chương 2. Phân tích môi trường kinh tế - xã hội: cung cấp các khái niệm, kiến thức và các công cụ để phân tích và đánh giá các môi trường của tổ chức trong mối liên hệ với địa phương, quốc gia, khu vực và thế giới để nhận diện các cơ hội, thách thức, những mặt mạnh và những tồn tại trong mối liên hệ đó. Phân tích ma trận SWOT. Chương 3. Hoạch định chiến lược khu vực công: Giới thiệu khái niệm và quy trình hoạch định chiến lược; lựa chọn chiến lược dựa trên các yếu tố quyết định, vị thế của địa phương, quốc gia và mục tiêu thực hiện chiến lược để xây dựng các chiến lược ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và chiến lược hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; cách

thức và quy trình thực hiện chiến lược. Chương 4. Tổ chức thực hiện chiến lược công: cung cấp các kiến thức về kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược, tổ chức thực hiện phân bổ nguồn lực, phân công phối hợp thực hiện chiến lược, tổ chức theo dõi, kiểm tra đôn đốc thực hiện chiến lược và phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chiến lược công. Chương 5. Đánh giá và điều chỉnh chiến lược: Nêu được bản chất và sự cần thiết của việc đánh giá chiến lược; thiết lập quy trình đánh giá và điều chỉnh chiến lược dựa trên kết quả của quá trình đánh giá.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

#### **14.18. Tên học phần: Đàm phán và quản lý xung đột trong tổ chức công**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp kiến thức liên quan đến đàm phán và quản lý xung đột. Các lý thuyết mới trong đàm phán, mô hình, kỹ thuật và chiến lược trong đàm phán cho các nhà quản lý được cung cấp cho học viên.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc cơ bản của đàm phán và các yếu tố chính của quá trình đàm phán, các loại đàm phán. Phân tích được các vấn đề quản lý và điều kiện của tổ chức, các bối cảnh chính trị, kinh tế xã hội và các vấn đề quốc tế, vấn đề đạo đức để làm cơ sở thực hiện đàm phán.

- Về kỹ năng: Cải thiện khả năng đàm phán hiệu quả của bạn; Cải thiện khả năng của bạn để phân tích các tình huống đàm phán và hành vi của người khác, đánh giá các lựa chọn thay thế và áp dụng các chiến thuật phù hợp nhất; Xây dựng kế hoạch chiến lược để đàm phán hiệu quả; Phát triển một hộp công cụ của các chiến thuật

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có được sự tự tin với tư cách là một nhà đàm phán; Hiểu rõ hơn về bản thân, điểm mạnh và điểm yếu của bạn; Trở thành công dân toàn cầu, hành động có trách nhiệm xã hội. tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp.

Tóm tắt nội dung:

Đàm phán là một những ngành khoa học có tính chất ứng dụng cao nhất trong xã hội hiện đại. Nằm trong số những kỹ năng được phát triển rất sớm trong lịch sử loài

người, cho đến ngày nay, đàm phán vẫn tiếp tục được sử dụng rộng rãi trong các sinh hoạt thường nhật cũng như trong công việc. Trên thế giới, các tài liệu giảng dạy và hướng dẫn các kỹ năng đàm phán được phát triển tương đối phong phú. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu và đào tạo về kỹ năng đàm phán nói chung phát triển tương đối phong phú, được các đơn vị doanh nghiệp rất quan tâm, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Tuy nhiên, nội dung đào tạo thường tập trung vào khía cạnh đàm phán thương mại, không thể áp dụng hoàn toàn trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Trong khi đó, ở khối Nhà nước, các chuyên gia, nhà nghiên cứu tập trung vào vấn đề đàm phán theo hướng xây dựng nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu. Các công trình này thường tập trung vào khái quát các lý thuyết, các yếu tố, cách tiếp cận, các chiến thuật thực hiện đàm phán, đồng thời minh họa bằng một số trường hợp đàm phán điển hình tại Việt Nam và trên thế giới. Học phần này được thiết kế để phù hợp với nhiều vấn đề đàm phán mà các nhà quản lý và chuyên gia phải đối mặt; gồm 10 nội dung chính: Chương 1. Giới thiệu chung về đàm phán; Chương 2. Đàm phán tích hợp; Chương 3. Đàm phán: Chiến lược và kế hoạch; Chương 4. Truyền thông, tìm kiếm và sử dụng quyền lực trong đàm phán; Chương 5. Đạo đức trong đàm phán; Chương 6. Các mối quan hệ trong đàm phán; Chương 7. Liên minh, nhóm, đội trong đàm phán; Chương 8. Hiểu về tính cách, nhân cách và động lực trong đàm phán; Chương 9. Đàm phán đa văn hóa và đàm phán quốc tế; Chương 10. Đàm phán trong thế giới ảo.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.19. Tên học phần: Quản lý sự thay đổi**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Mục tiêu của học phần là giúp học viên nắm bắt và vận dụng được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu, kỹ năng cơ bản của một nhà quản lý và thái độ, nhận thức với vấn đề thay đổi trong môi trường quản lý, đặc biệt ở các khu vực nền kinh tế mới nổi như Việt Nam vào hoạt động điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Mô tả được các vấn đề liên quan đến sự thay đổi, trình bày được sự thay đổi trong doanh nghiệp. Nắm bắt được kiến thức chuyên sâu về quản lý sự thay đổi trong môi trường đa dạng và phức tạp của các tổ chức hiện nay.

- Về kỹ năng: Kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về sự thay đổi trong kế hoạch thông qua các chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Lập kế hoạch và triển khai được một chương trình quản lý sự thay đổi. Làm việc nhóm và dẫn dắt đội nhóm.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc, nhận thức đúng đắn, hoàn thiện môi trường đang thay đổi của một nhà quản lý. Hình thành tinh thần đổi mới, sáng tạo trong công việc thực tế ở doanh nghiệp.

Tóm tắt nội dung:

Học phần này cung cấp cơ sở lý thuyết về sự thay đổi trong tổ chức; Tập trung vào quá trình thay đổi chứ không phải kết quả của sự thay đổi, nội dung môn học sẽ giúp học viên có cách nhìn cân đối về sự thay đổi trong tổ chức; Đề cập đến các vấn đề về tính cấp thiết của sự thay đổi, lợi ích của sự thay đổi đối với tổ chức, và tác động của nó đến các cá nhân trong tổ chức và lý do tại sao các tổ chức lại tham gia vào các chương trình thay đổi; Hiểu và khắc phục sự chống đối sự thay đổi.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(R), PLO3(R), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M).

#### **14.20. Nghiên cứu tình huống 1**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Mục tiêu của học phần là giúp học viên nắm bắt và vận dụng được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý; sử dụng các kỹ năng và nhận thức của một nhà quản lý để nghiên cứu các tình huống xảy ra trong thực tiễn trong quản lý kinh tế.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng những kiến thức về kinh tế và quản lý để nghiên cứu những hiện tượng đang xảy ra được đặt trong bối cảnh thực tế.

- Về kỹ năng: Kỹ năng thu thập số liệu, tổng hợp tài liệu tài liệu; kỹ năng quan sát, phỏng vấn, ...Kỹ năng phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn dựa trên cơ sở khoa học.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc, nhận thức đúng đắn về những vấn đề quản lý đang xảy ra trong thực tế. Giúp người học hình thành năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn.

Tóm tắt nội dung:

Nghiên cứu tình huống 1 cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề nhờ sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Thông qua nghiên cứu tình huống, người học sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận các bản mô tả các vấn đề về tổ chức, các tình huống về chính sách, về quản lý kinh tế diễn ra trong thực tiễn, từ đó người học sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán vấn đề và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận, đánh giá để tìm ra giải pháp tối ưu.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO(10).

#### 14.21. Nghiên cứu tình huống 2

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Mục tiêu của học phần là giúp học viên vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý; sử dụng các kỹ năng và công cụ quản lý để nghiên cứu các tình huống xảy ra trong thực tiễn trong quản lý kinh tế.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức về kinh tế và quản lý để nghiên cứu những hiện tượng kinh tế và quản lý kinh tế đang xảy ra được đặt trong thực tiễn.

- Về kỹ năng: Kỹ năng thu thập số liệu, tổng hợp tài liệu tài liệu, quan sát, phỏng vấn, phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn dựa trên cơ sở khoa học.

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc, nhận thức đúng đắn về những vấn đề chính sách kinh tế và quản lý đang xảy ra trong thực tế. Giúp người

học hoàn thiện năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn.

Tóm tắt nội dung:

Nghiên cứu tình huống 2 cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề nhờ sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Thông qua nghiên cứu tình huống, người học sẽ có cơ hội tiếp cận với các vấn đề về tổ chức, các tình huống về chính sách hoặc các vấn đề liên quan đến quản lý kinh tế đang xảy ra trong thực tiễn, từ đó người học sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán kết quả và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận, đánh giá để tìm ra giải pháp tối ưu.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO(10).

#### **14.22. Tên học phần: Chuyển đổi số trong khu vực công**

❖ Điều kiện tiên quyết:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

+ Mục tiêu chung:

Học phần được thiết kế với mục tiêu trang bị kiến thức có liên quan đến quá trình chuyển đổi số trong khu vực công. Ngoài kiến thức của môn học, học viên được rèn luyện kỹ năng liên quan đến khả năng tự nghiên cứu, khả năng tư duy, phân tích và năng lực đưa ra quyết định trong việc lựa chọn các giải pháp.

+ Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: + Hiểu một cách có hệ thống về xu hướng, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số trong khu vực công.

+ Có khả năng vận dụng, khai thác các ứng dụng được triển khai khi tiến hành chuyển đổi số trong khu vực công một cách hiệu quả.

+ Có khả năng triển khai, đề xuất giải pháp nhằm cải tiến, kết nối với mô hình chuyển đổi số của chính phủ tại tổ chức mà học viên đang công tác theo hướng minh bạch, công bằng và hiệu quả.

- Về kỹ năng: + Kỹ năng cần thiết để nghiên cứu giải pháp, lập kế hoạch và triển khai các ứng dụng khi tổ chức tiến hành chuyển đổi số;

+ Có năng lực kiểm soát tính tương tác và sự đa dạng trong các dịch vụ của tổ chức nhằm thích ứng với những thay đổi khi tiến hành chuyển đổi số;

+ Có kỹ năng phân tích, tư duy phản biện, đánh giá khả năng tích hợp các giải pháp chuyển đổi số với chiến lược phát triển của tổ chức.

- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tự nghiên cứu, tự học hỏi và chia sẻ tri thức trong suốt thời gian triển khai và vận hành các giải pháp liên quan đến chuyển đổi số.

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác trong công việc và chịu được áp lực cao, nhất là những công việc có nhiều bên tham gia khi tiến hành chuyển đổi số;

+ Có trách nhiệm xã hội, liêm chính, minh bạch và có trách nhiệm giải trình trong quá trình vận dụng, đánh giá, lựa chọn những giải pháp chuyển đổi số với các bên liên quan.

Tóm tắt nội dung:

Chuyển đổi số được xem là xu hướng tất yếu, hiện đang diễn ra một cách nhanh chóng ở mọi quốc gia trên thế giới. Bằng việc ứng dụng những tiến bộ vượt bậc của cuộc cách mạng công nghệ số, các tổ chức công đang đứng trước cơ hội cải tiến dịch vụ của mình hướng đến hiệu quả, minh bạch, tiện ích, đáp ứng nhu cầu thay đổi của xã hội. Tuy vậy, quá trình chuyển đổi số trong khu vực công cũng hàm chứa nhiều thách thức bởi phạm vi rộng và chịu ảnh hưởng bởi nhiều bên liên quan.

Ở bài mở đầu, Tổng quan về chuyển đổi số, học viên được trang bị các khái niệm về chuyển đổi số, nhận biết về vai trò, những khó khăn thách thức và xu hướng chuyển đổi số cũng như định hướng về chuyển đổi số của chính phủ Việt Nam thông qua việc tìm hiểu và thảo luận về quyết định 749/QĐ-TTg. Trong bài học tiếp theo, học viên sẽ tìm hiểu về Cơ sở hạ tầng công nghệ có liên quan đến quá trình chuyển đổi số. Một hệ sinh thái, bao gồm các vấn đề về phần cứng, phần mềm ứng dụng, vấn đề dữ liệu và sự tương tác của các bên liên quan sẽ được tìm hiểu và thảo luận. Tiếp theo, học viên sẽ được tìm hiểu về những Ứng dụng chuyển đổi số trong khu vực công, trong đó sẽ trọng tâm vào việc tìm hiểu rõ những vấn đề liên quan đến chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Học viên cũng cần nhận biết rõ về những thay đổi trong việc cung cấp các dịch vụ gắn với quá trình chuyển đổi số. Để quá trình chuyển đổi số thành công, học viên sẽ tìm hiểu về Các yếu tố quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số, trong đó học viên sẽ được tìm hiểu về những khó khăn, thách thức của việc phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ, vấn đề nguồn nhân lực, hành lang pháp lý, các nội dung liên quan đến quyền riêng tư, bảo mật thông tin, công dân số và tầm quan trọng của sự hợp tác giữa các bên liên quan. Trong bài Vai trò của lãnh đạo trong quá trình chuyển đổi số, học viên sẽ có cơ hội ôn lại các thuật lãnh

đạo, kỹ năng lãnh đạo, điều hành trong bối cảnh chuyển đổi số và cách thức vận dụng các thuật lãnh đạo trong từng công việc cụ thể. Học viên cũng được tìm hiểu về tri thức, vai trò của tri thức gắn với quá trình chuyển đổi số và đặc biệt là tầm ảnh hưởng của lãnh đạo trong việc chia sẻ, lan tỏa tri thức. Phần cuối, học viên sẽ được tìm hiểu về việc Quản lý lộ trình chuyển đổi số (Roadmap), trong đó học viên sẽ tìm hiểu lộ trình phát triển, lập kế hoạch và quản trị các dự án chuyển đổi số, tình hình phát triển chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO4(M), PLO8(M),

#### 14.23. Tên học phần: Đề án tốt nghiệp

Báo cáo đề án là một bản trình bày kết quả nghiên cứu, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có phương pháp nghiên cứu phù hợp hoặc đề xuất giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế nảy sinh trong thực tiễn. Đề án tốt nghiệp thể hiện năng lực vận dụng lý thuyết khoa học và khả năng sử dụng công cụ và phương pháp nghiên cứu để giải quyết vấn đề nghiên cứu của học viên;

- Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức xã hội;

- Đề án phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong đề án phải là sản phẩm của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác.

Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

Phúc

TS. Đoàn Ngọc Phúc